

HIỆU QUẢ CỦA CÔNG TÁC ĐÒN ĐIỀN ĐỔI THỪA TẠI HUYỆN THĂNG BÌNH, TỈNH QUẢNG NAM

Trần Thanh Đức¹, Võ Như Vàng³, Nguyễn Trung Hải¹, Trương Thị Diệu Hạnh²

¹Khoa Tài nguyên đất và MTNN, Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế,

²Khoa Nông học, Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế,

³Chi nhánh Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam

Liên hệ email: tranthanhduc@huaf.edu.vn

TÓM TẮT

Nghiên cứu này được thực hiện tại huyện Thăng Bình nhằm mục đích đánh giá hiệu quả của việc đôn điền đổi thửa đất sản xuất nông nghiệp. Kết quả nghiên cứu cho thấy đôn điền đổi thửa đã làm tăng đáng kể quy mô diện tích thửa từ 593 m² lên 1.102 m² và giảm số thửa trên hộ từ 7,2 thửa xuống còn 4,1 thửa. Đôn điền đổi thửa đã làm tăng diện tích đất giao thông và thủy lợi nội đồng; góp phần tăng diện tích, năng suất và sản lượng của một số cây trồng chính. Đa số người dân được phỏng vấn đều đồng ý với chính sách đôn điền đổi thửa và cho rằng sau đôn điền đổi thửa, giao thông, thủy lợi nội đồng và áp dụng cơ giới vào sản xuất nông nghiệp thuận lợi hơn, giảm thời gian và công sức của người dân trong quá trình sản xuất so với trước đôn điền đổi thửa.

Từ khóa: Đôn điền đổi thửa, đất sản xuất nông nghiệp, hiệu quả, huyện Thăng Bình

Nhận bài: 22/05/2017

Hoàn thành phản biện: 12/06/2017

Chấp nhận bài: 15/06/2017

1. MỞ ĐẦU

Được giao đất theo Nghị định 64/CP, người nông dân đã thực sự yên tâm và chủ động trong việc đầu tư về vốn, vật tư, lao động kỹ thuật mới vào sản xuất làm cho năng suất cây trồng và vật nuôi không ngừng tăng lên. Chính vì vậy mà sản xuất nông nghiệp đã đạt được những thành tựu đáng kể, đời sống của người nông dân được cải thiện hơn trước, góp phần làm cho bộ mặt của nông thôn được thay đổi một cách nhanh chóng. Tuy nhiên, việc giao đất cho nông dân được thực hiện trên cơ sở giữ nguyên hiện trạng sản xuất hiện có nên đã dẫn đến tình trạng đất đai manh mún và phân tán.

Huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam có tổng diện tích tự nhiên năm 2016 là 41.224,6 ha, trong đó nhóm đất nông nghiệp có diện tích là 29.081,7 ha (chiếm 70,5% tổng diện tích tự nhiên) (Phòng Thống kê huyện Thăng Bình, 2016 - 2017). Trên địa bàn huyện, bình quân số thửa trên 1 hộ gia đình là 7,2 thửa/hộ và diện tích bình quân trên 1 thửa là 593 m²/thửa (UBND huyện Thăng Bình, 2005). Do diện tích các thửa đất nhỏ lẻ, nhiều bờ thửa, nhiều thửa đất không có bờ ruộng, đường bờ nên việc vận chuyển sản phẩm, vật tư phục vụ cho sản xuất gặp nhiều khó khăn. Do đó, làm cản trở cho việc đưa cơ giới hóa và tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp, hạn chế đầu tư thâm canh, chuyển dịch cơ cấu cây trồng. Từ thực tế đó, việc thực hiện đôn điền đổi thửa (DĐĐT) là một bước quan trọng trong sự nghiệp công nghiệp hóa – hiện đại hóa nền nông nghiệp nông thôn và nhằm mục tiêu chương trình xây dựng nông thôn mới của huyện. Tỉnh Quảng Nam đã có chủ trương chỉ đạo việc đôn điền

đổi thửa từ năm 2005 nhưng chưa có những nghiên cứu nhằm đưa ra những thuận lợi và khó khăn của chủ trương này ở quy mô cấp huyện và xã, vì vậy nghiên cứu này được thực hiện nhằm mục tiêu làm rõ hiệu quả của việc dồn điền đổi thửa góp phần làm rõ cơ sở khoa học và ý nghĩa thực tiễn của kết quả việc dồn những thửa ruộng nhỏ lẻ thành những ô thửa lớn hơn, góp phần đưa ra những đề xuất tiếp theo trong việc quản lý và sử dụng đất sản xuất nông nghiệp hiệu quả hơn, đồng thời, thực hiện được mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn đến năm 2020 của tỉnh.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

- Chọn điểm nghiên cứu

Dựa vào đặc điểm địa hình và tình hình DĐĐT của các xã trong huyện Thăng Bình, 2 xã được chọn làm điểm nghiên cứu là xã Bình Chánh (miền núi) và Bình Tú (đồng bằng).

- Phương pháp thu thập số liệu thứ cấp

Các số liệu điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội; số liệu về đất đai và các số liệu có liên quan khác được thu thập tại UBND huyện Thăng Bình, Phòng thống kê, Phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND 2 xã Bình Chánh và Bình Tú.

- Phương pháp thu thập số liệu sơ cấp

Dựa trên công thức tính dung lượng mẫu điều tra của Slovin (1960), $n = N/(1+N.e^2)$ với $N = 4467$ (số lượng hộ của 2 xã điều tra), $e = 7\%$ (sai số điều tra); điều tra 200 hộ dân để phỏng vấn tình hình sử dụng đất trước và sau DĐĐT bằng phiếu điều tra, mỗi xã điều tra 100 hộ, nội dung chính của phiếu điều tra là: (1) Thông tin chung của hộ, (2) Thông tin về diện tích đất sản xuất nông nghiệp trước và sau DĐĐT của hộ gia đình, (3) Ý kiến của hộ gia đình về chính sách DĐĐT.

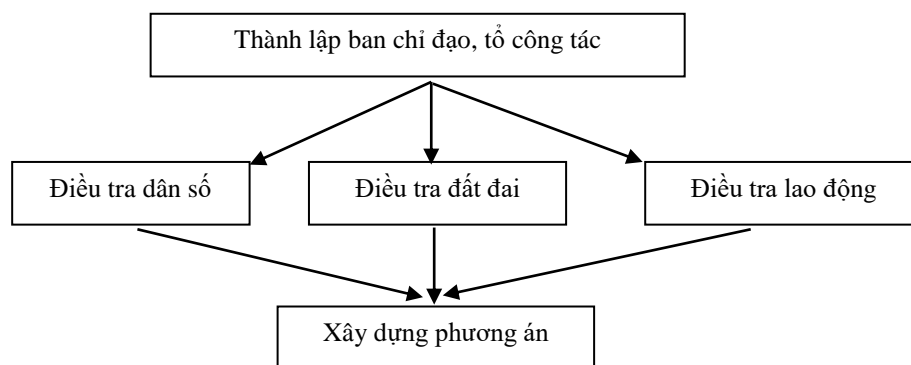
- Phương pháp tổng hợp, phân tích và xử lý số liệu

Số liệu được tổng hợp bằng phần mềm Excel, sau đó tiến hành phân tích và xử lý theo hệ thống bảng biểu.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

3.1. Phương pháp tổ chức dồn điền đổi thửa

Thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về việc DĐĐT, cho phép tích tụ đất đai và kết quả thực hiện thành công trong công tác DĐĐT của các địa phương đi trước. Dựa trên các văn bản hướng dẫn thực hiện dồn DĐĐT, Ban chỉ đạo DĐĐT huyện Thăng Bình đã xây dựng quy chế hoạt động và kế hoạch triển khai thực hiện công tác DĐĐT trên địa bàn huyện. Ủy ban nhân dân huyện Thăng Bình xây dựng kế hoạch thực hiện, sơ đồ tổ chức thực hiện công tác DĐĐT ở huyện Thăng Bình được thể hiện ở hình 1.



Hình 1. Sơ đồ tổ chức thực hiện công tác dồn điền đổi thửa tại huyện Thăng Bình.

Việc DĐĐT trên địa bàn huyện Thăng Bình được thực hiện trên cơ sở lấy thôn làm đơn vị xây dựng phương án DĐĐT và phương án được xây dựng cụ thể cho từng xứ đồng, từng khu vực. Phương án dồn điền đổi thửa cấp thôn phải được Ủy ban nhân dân (UBND) xã phê duyệt, phương án DĐĐT cấp xã phải được UBND huyện phê duyệt mới được triển khai thực hiện. Đối với số hộ, số nhân khẩu phát sinh sau thời điểm giao đất theo Nghị định 64/NĐ-CP của Chính phủ, nay cần ruộng để sản xuất nông nghiệp được xử lý theo hai hướng: Một là, lấy diện tích còn lại trước đây khi thực hiện Nghị định 64/NĐ-CP chưa giao hết hoặc giao không ai nhận, hoặc số diện tích mà trong quá trình thực hiện Nghị định 64/NĐ-CP nhưng các hộ không còn nhu cầu sản xuất tự nguyện trả lại cho xã quản lý. Hai là, cho thuê đất hoặc tổ chức đấu thầu sử dụng quỹ đất dành cho nhu cầu công ích, đất quy hoạch cho công trình phúc lợi, công cộng nhưng chưa thực hiện. Khi thực hiện, ưu tiên cho các đối tượng chính sách, người có công với cách mạng; giữ nguyên hiện trạng diện tích đã phân chia theo Nghị định 64/NĐ-CP cho từng hộ và thực trạng đang sử dụng hiện nay. Tùy theo điều kiện từng xã, thị trấn mà có định mức bình quân tối đa cho từng hộ; bình quân một hộ không quá 3 thửa cho vùng đồng bằng, 4 thửa cho vùng gò đồi, miền núi; diện tích tối thiểu cho một mảnh không dưới 500,0 m² (UBND huyện Thăng Bình, 2005).

Huyện Thăng Bình đã khuyến nghị các hộ dân tự nguyện đổi đất cho nhau, ưu tiên cho các hộ dân nhận đất sản xuất gần nhà mình nhất để tiện cho việc vận chuyển nông sản, phân bón; nếu không đổi được thì tiến hành quy đổi. Tùy điều kiện cụ thể của từng địa phương mà ban chỉ đạo của các xã trên địa bàn huyện quy đổi theo một số tiêu chí sau:

- Căn cứ vào số hộ, diện tích của từng hộ, diện tích thửa đất hiện có/hộ.
- Dựa vào đặc điểm, tính chất đất đai, hạng, loại đất, các yếu tố về địa lý, điều kiện canh tác để làm căn cứ xác định các hệ số quy đổi cho phù hợp.
- Đất nông nghiệp chia làm 6 hạng từ hạng 1 đến hạng 6 được sắp xếp hệ số như sau: hạng I và II có cùng hệ số quy đổi là: 0,8; hạng III và IV có cùng hệ số quy đổi là: 1,0; hạng V và VI có cùng hệ số quy đổi là: 1,2 (UBND huyện Thăng Bình, 2005).

3.2. Hiệu quả dồn điền đổi thửa

3.2.1. Hiệu quả chung của toàn huyện

Huyện Thăng Bình có 18/21 xã, thị trấn có đất nông nghiệp đưa vào DĐĐT. Quán triệt chủ trương của Đảng về công tác DĐĐT, từ năm 2005, Ban chỉ đạo DĐĐT của huyện đã triển khai chỉ đạo thực hiện công tác DĐĐT đến tất cả các xã, thị trấn.

Diện tích DĐĐT đất nông nghiệp trên địa bàn huyện đến năm 2017 là 5.749ha, số xã thực hiện là 18 xã, với 80 thôn, số xã đã hoàn thành là 15 xã (chiếm 83%), số thôn hoàn thành là 64 thôn (chiếm 81%) (Phòng Thống kê huyện Thăng Bình, 2016 - 2017).

Thực trạng đất sản xuất nông nghiệp của toàn huyện trước và sau DĐĐT được thể hiện trong bảng 1.

Bảng 1. Hiệu quả thực hiện dồn điền đổi thửa đất sản xuất nông nghiệp tại huyện Thăng Bình

Các chỉ tiêu	Trước DĐĐT	Sau DĐĐT	So sánh sau và trước ĐĐT
Tổng số thửa (thửa)	40.249	20.159	-20.900
Bình quân thửa/hộ (thửa/hộ)	7,2	4,1	-3,1
Bình quân diện tích/ thửa (m ² / thửa)	593	1102	+509

(Nguồn: Phòng Thống kê huyện Thăng Bình, 2005 và 2016)

Số liệu bảng 1 cho thấy, về tổng số thửa: trước DĐĐT, tổng số thửa đất trồng cây hàng năm của toàn huyện là 40.249 thửa, sau dồn điền đổi thửa còn 20.159 thửa, giảm được 20.900 thửa. Về bình quân số thửa: trước DĐĐT là 7,2 thửa/hộ, sau DĐĐT còn lại 3,1 thửa/hộ. Về diện tích: Bình quân diện tích trên thửa trước khi DĐĐT là 593,0 m²/thửa sau DĐĐT là 1102,0 m²/thửa tăng 509,0 m²/thửa. Như vậy, so với trước DĐĐT các chỉ tiêu về bình quân diện tích trên thửa và diện tích đất đưa vào sản xuất nông nghiệp đều có xu hướng tăng lên rất lớn so với trước khi DĐĐT, điều đó chứng tỏ công tác DĐĐT trên địa bàn huyện Thăng Bình đang tiến hành đã đi đúng hướng, đúng mục tiêu đã đề ra là giảm tình trạng mảnh mún ruộng đất. Sau DĐĐT các hộ gia đình, cá nhân đã có những vùng ruộng tập trung với diện tích lớn hơn góp phần hình thành các vùng chuyên canh, sản xuất hàng hoá, vùng nguyên liệu tập trung, làm cơ sở cho việc áp dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào trong sản xuất nông nghiệp, thuận tiện cho việc cơ giới hoá, kiến thiết đồng ruộng.

3.2.2. Hiệu quả thực hiện dồn điền đổi thửa tại 2 xã nghiên cứu

3.2.2.1. Thực trạng ruộng đất trước và sau DĐĐT

Thực trạng ruộng đất tại 2 xã nghiên cứu trước và sau khi thực hiện DĐĐT được thể hiện tại bảng 2.

Bảng 2. Thực trạng ruộng đất trước và sau khi dồn điền đổi thửa tại 2 xã nghiên cứu

Chỉ tiêu	Xã Bình Chánh		Xã Bình Tú	
	Trước ĐĐT	Sau ĐĐT	Trước ĐĐT	Sau ĐĐT
1. Đất nông nghiệp (ha)	910,8	940,9	1236,3	1274,1
2. Đất sản xuất nông nghiệp (ha)	726,7	748,8	1132,7	1170,5
3. Đất trồng cây hàng năm (ha)	686,8	709,0	1110,4	1147,7
4. Đất lúa (ha)	467,6	510,8	938,3	933,3
5. Số hộ được chia ruộng (hộ)	1530	1530	2937	2937
6. Số thửa (thửa)	9280,0	4378,0	14500,0	6931,0
7. Diện tích bình quân/thửa (m ²)	548,0	1423,0	631,3	1320,0
8. Diện tích thực hiện dồn điền (ha)	415,0	415,0	915,4	915,4
9. Số thửa bình quân/hộ	6,1	4,8	4,9	2,4
10. Quỹ đất công ích (ha)	31,5	33,7	40,8	42,8

(Nguồn: Phòng Thống kê huyện Thăng Bình, 2005 và 2016)

Số liệu ở bảng 2 cho thấy sau khi DĐĐT, diện tích đất nông nghiệp của 2 xã đều tăng cụ thể, xã Bình Chánh tăng từ 910,8 ha lên 940,9 ha, xã Bình Tú tăng từ 1.236,3 lên 1.274,0 ha. Nguyên nhân tăng lên là do sau khi dồn điền bờ vùng, bờ thửa giảm xuống, hệ thống thủy lợi được nâng cấp và cải thiện nên một phần diện tích đất bỏ hoang được cải tạo đưa vào sử dụng phục vụ cho sản xuất nông nghiệp.

Xã Bình Chánh với 1.530 hộ được chia ruộng, diện tích đất thực hiện dồn điền là 415 ha với số thửa là 9.280 thửa, diện tích bình quân trên thửa là 548 m², số thửa bình quân trên hộ là 6,1 thửa. Xã Bình Tú số hộ được chia ruộng là 2.937 hộ, diện tích đất thực hiện dồn điền là 915,4 ha với số thửa là 1.4500 thửa, diện tích bình quân trên thửa là 631,1 m², bình quân số thửa trên hộ là 4,9 thửa.

Số hộ tham gia DĐĐT: Cả hai xã đều đạt 90% số hộ có đất sản xuất nông nghiệp tham gia dồn điền đổi thửa, sau dồn điền đổi thửa số hộ vẫn giữ nguyên không thay đổi.

Diện tích đất trồng cây hàng năm: Xã Bình Chánh diện tích đất dồn điền là 415 ha, chiếm 60,5% tổng diện tích đất trồng cây hàng năm của xã, trong đó 88,7% diện tích đất lúa; Xã Bình Tú diện tích đất dồn điền là 915,4 ha trong đó 82% tổng diện tích đất trồng cây hàng năm của xã, chiếm 97% diện tích đất lúa.

Số thửa: tổng số thửa của cả hai xã sau DĐĐT đều có sự thay đổi theo chiều hướng tích cực, số thửa đã giảm được đáng kể: xã Bình Chánh giảm được 4.902 thửa, xã Bình Tú giảm được 7.569 thửa. Ngoài ra các chân ruộng khi dồn đổi không thể giảm thửa (do địa hình phức tạp) cũng được người dân chuyển đổi cho nhau để tiện chăm sóc và canh tác.

Đất công ích: Sau DĐĐT, quỹ đất này đều tăng ở tất cả các xã, cụ thể: xã Bình Chánh tăng 2,2 ha, xã Bình Tú tăng 2,0 ha. Mặt khác, sau DĐĐT quỹ đất này đã được gom lại thành từng vùng tập trung để tiện cho việc cho thuê và quản lý.

Bảng 3. Diện tích đất giao thông, thủy lợi nội đồng trước và sau dồn điền đổi thửa tại 2 xã nghiên cứu

(Đơn vị tính: ha)

Loại đất	Xã	Trước DĐĐT	Sau DĐĐT	So sánh sau và trước DĐĐT
Giao thông	Bình Chánh	32,5	38,5	+6,0
	Bình Tú	41,8	46,5	+4,7
Thủy lợi	Bình Chánh	29,6	34,9	+5,3
	Bình Tú	33,4	36,4	+2,9

(Nguồn: UBND xã Bình Chánh và UBND xã Bình Tú, 2005 và 2016)

Số liệu ở bảng 3 cho thấy, xã Bình Chánh diện tích đất giao thông tăng 6 ha, xã Bình Tú tăng 4,7 ha; diện tích đất giao thông tăng lên giúp cho việc áp dụng cơ giới hóa phục vụ cho sản xuất được nâng lên, góp phần làm tăng hiệu quả sản xuất nông nghiệp. Diện tích đất thủy lợi của xã Bình Chánh tăng 5,3 ha, xã Bình Tú tăng 2,9 ha; diện tích đất thủy lợi tăng cũng góp phần tăng diện tích đất sản xuất chủ động được nước tưới và chống ngập úng.

Sau khi thực hiện xong công tác DĐĐT số lượng công trình giao thông nội đồng nội đồng và hệ thống thủy lợi tăng lên đáng kể cụ thể, xã Bình Chánh làm thêm được 5 km giao

thông nội đồng và 10 km hệ thống thủy lợi, xã Bình Tú làm thêm được 8 km giao thông nội đồng và 14 km hệ thống thủy lợi. Hệ thống giao thông, thủy lợi nội đồng được hoàn thiện đã góp phần làm tăng năng suất cây trồng. Để thực hiện được công tác giao thông nội đồng như vậy, 2 xã đã huy động từ sức dân, nguồn lực tại địa phương và nhờ sự giúp đỡ của chính quyền các cấp, trong đó sự hỗ trợ của cấp trên là 40%, nhân dân tự đóng góp là 40% và xã hỗ trợ là 20%.

Việc quy hoạch mở rộng đất giao thông, thủy lợi góp phần không nhỏ trong việc cải tạo đất, vận chuyển hàng hoá, giảm công lao động và chi phí trong sản xuất và nâng cao hiệu quả sử dụng đất của các hộ nông dân. Đồng thời góp phần chủ động nước tưới trong mùa khô và tiêu trong mùa mưa bão. Nhiều cánh đồng trước kia chỉ cấy được một vụ lúa hay chỉ trồng màu nay nhờ có nước tưới chủ động đã được cải tạo tăng vụ hoặc chuyển đổi sang trồng lúa.

3.2.2.2. Diện tích, năng suất, sản lượng một số cây trồng chính trước và sau dồn điền đổi thửa

Sau khi thực hiện DĐĐT, diện tích, năng suất và sản lượng một số loại cây trồng đã có những thay đổi tích cực, kết quả được thể hiện ở bảng 4.

Bảng 4. Diện tích, năng suất, sản lượng một số cây trồng chính trước và sau dồn điền đổi thửa tại 2 xã nghiên cứu

Loại cây trồng	Chỉ tiêu	Bình Chánh		Bình Tú	
		Trước DĐĐT	Sau DĐĐT	Trước DĐĐT	Sau DĐĐT
Lúa Đông Xuân	Diện tích (ha)	467,6	510,8	756,0	911,0
	Năng suất (tạ/ha)	49,7	55,7	54,6	58,1
	Sản lượng (tấn)	2.323,9	2.845,1	4.122,7	5.292,9
Lúa Hè Thu	Diện tích (ha)	450,0	487,0	745,0	911,0
	Năng suất (tạ/ha)	54,0	52,1	53,8	56,9
	Sản lượng (tấn)	2.430,0	2.537,2	4.008,1	5.190,0
Đậu phụng	Diện tích (ha)	52,0	35,0	74,0	82,0
	Năng suất (tạ/ha)	14,0	18,0	16,0	19,0
	Sản lượng (tấn)	728,0	630,0	1.184,0	1.558,0
Ngô	Diện tích (ha)	27,0	73,0	9,0	11,0
	Năng suất (tạ/ha)	50,0	55,0	45,0	50,0
	Sản lượng (tấn)	1.350,0	4.015,0	40,5	55,0

(Nguồn: UBND xã Bình Chánh và UBND xã Bình Tú, 2005 và 2016)

Số liệu ở bảng 4 cho thấy, sau khi DĐĐT năng suất được tăng lên, bên cạnh yếu tố giống, trình độ canh tác còn do tập trung được đồng ruộng nên điều kiện về chăm sóc, tưới tiêu, phòng trừ sâu bệnh và khả năng áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào đồng ruộng được tốt hơn.

3.3. Ý kiến của người dân về kết quả của công tác dồn điền đổi thửa

Ý kiến của người dân về kết quả của DĐĐT được trình bày tại bảng 5.

Bảng 5. Ý kiến của người dân về tác động của dồn điền đổi thửa đến sản xuất nông nghiệp của hộ

Nội dung phỏng vấn	Số hộ (hộ)	Tỷ lệ (%)
1. Đồng ý với phương án DĐĐT		
- Đồng ý	185	92,5
- Không đồng ý	15	7,5
2. Giao thông, thủy lợi nội đồng sau DĐĐT		
- Tốt hơn	200	100,0
- Như cũ	0	0
- Kém hơn	0	0
3. Công lao động và thời gian lao động NN sau DĐĐT		
- Nhiều hơn	0	0
- Như cũ	0	0
- Ít hơn	200	100,0
4. Áp dụng cơ giới sau DĐĐT		
- Có	135	67,5
- Không	65	32,5

(Nguồn: Tổng hợp từ số liệu điều tra năm 2017)

Từ kết quả thu được ở bảng 5 cho thấy có 92,5% số hộ được hỏi đồng ý với phương án DĐĐT, 7,5% số hộ còn lại không đồng ý hoàn toàn với phương án DĐĐT vì lý do trước đây chất lượng đất tốt hơn và bây giờ phải đi làm đồng xa hơn. 100% số hộ cho rằng giao thông, thủy lợi nội đồng tốt hơn, hộ bỏ ít công và thời gian lao động hơn so với trước khi dồn điền đổi thửa. 67,5% số hộ trả lời là họ đã áp dụng cơ giới trong sản xuất nông nghiệp sau DĐĐT bởi vì họ cho rằng DĐĐT có điều kiện để đầu tư thâm canh, quy hoạch lại giao thông thủy lợi nội đồng tốt hơn, phục vụ cho việc đi lại thăm đồng, vận chuyển, thu hoạch, tưới tiêu chủ động hơn.

4. KẾT LUẬN

Dồn điền đổi thửa trên địa bàn huyện đã làm tăng đáng kể quy mô diện tích thửa và giảm số thửa trên hộ, cụ thể: diện tích bình quân trên thửa đã tăng từ 593,0 m² lên 1102,0 m², số thửa đất bình quân trên hộ giảm từ 7,2 thửa xuống còn 4,1 thửa. Kết quả này cũng thấy rõ ở 2 xã nghiên cứu. Dồn điền đổi thửa tạo cơ hội để các địa phương quy hoạch, điều chỉnh lại hệ thống giao thông, thủy lợi nội đồng tạo điều kiện thuận lợi cho cơ giới hoá, tưới tiêu chủ động do vậy đã góp phần vào việc tăng diện tích, năng suất và sản lượng một số loại cây trồng chính của địa phương. Sau khi thực hiện dồn điền đổi thửa, loại đất công ích (5%) đã được quy hoạch thành từng vùng tập trung thuận lợi cho việc quản lý của chính quyền và tăng nguồn thu ngân sách cho các địa phương. Đa số người dân được phỏng vấn đều đồng ý với chính sách dồn điền đổi thửa và cho rằng sau dồn điền đổi thửa, giao thông, thủy lợi nội đồng và áp dụng cơ giới vào sản xuất nông nghiệp thuận lợi hơn, người dân phải bỏ ít thời gian và công sức hơn so với trước dồn điền đổi thửa.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Phòng Thống kê huyện Thăng Bình, (2016, 2017). *Niên giám thống kê các năm 2005, 2016*.
- UBND huyện Thăng Bình, (2005). *Đề án 05/ĐA-UB ngày 15/7/2005 về tổ chức thực hiện dồn điền đổi thửa huyện Thăng Bình*.
- UBND xã Bình Chánh, (2006). *Báo cáo tình hình tổ chức thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - xã hội năm 2005*.
- UBND xã Bình Chánh, (2006). *Phương án dồn điền đổi thửa và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình và cá nhân*.
- UBND xã Bình Chánh, (2017). *Báo cáo Tình hình thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh năm 2016; Phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh năm 2017*.
- UBND xã Bình Tú, (2005). *Phương án dồn điền đổi thửa và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình và cá nhân*.
- UBND xã Bình Tú, (2006). *Báo cáo tổng kết sản xuất nông nghiệp năm 2005*.
- UBND xã Bình Tú, (2017). *Báo cáo tổng kết sản xuất nông nghiệp năm 2016 và triển khai kế hoạch sản xuất nông nghiệp năm 2017*.

EFFICIENCY OF LAND CONSOLIDATION PROGRAM IN THANG BINH DISTRICT, QUANG NAM PROVINCE

Tran Thanh Duc¹, Vo Nhu Vang³, Nguyen Trung Hai¹, Truong Thi Dieu Hanh²

¹ Faculty of Land resources & Agricultural Environment, University of Agriculture and Forestry, Hue University, ² Faculty of Agronomy, University of Agriculture and Forestry, Hue University,

³ Office of land use right registration in Thang Binh district of Quang Nam province

Contact email: tranthanhduc@huaf.edu.vn

ABSTRACT

This research was conducted in Thang Binh district to evaluate the efficiency of agricultural land consolidation program. The results show that the size of plots has increased significantly from 593 m² to 1,102 m² and the number of plots per household has decreased from 7.2 to 4.1 plots in the land consolidation program. The area of increased transportation and irrigation land contribute to enlarge the area and improve the productivity as well as yield of the major crops. Most of the interviewed households highly support the land consolidation program. Because the transportation and irrigation are improved, the mechanization applied into agricultural production is more advantageous; the labor and time used for agricultural production are less than before the land consolidation program.

Key words: Land consolidation, agricultural production, efficiency, Thang Binh district

Received: May 22, 2017

Reviewed: June 12, 2017

Accepted: June 15, 2017